

ECONOMIC DEVELOPMENT IN CONNECTION WITH ENVIRONMENTAL PROTECTION IN THE TIME OF INDUSTRIALIZATION, MODERNIZATION AND REQUIREMENTS OF THE MEKONG DELTA REGION

Dao Thi Bich Hong

Ho Chi Minh City University of Technology

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 09/5/2022	The environment has always been a global concern. Environmental protection is both a goal and a fundamental element of sustainable development. The purpose of the article is to clarify the leadership of Vietnamese Communist Party in the protection of natural resources and the environment, especially in the Mekong Delta, thereby proposing some solutions for environmental protection and appropriate climate change adaptation for the Mekong Delta region. This article uses historical methods in data processing and applies analytical and synthesis methods. The result of this research has further clarified the process where Vietnamese Communist Party has gradually provided more and more appropriate instructions targeting the association between the economic development and the natural resources and environment protection during the accelerating process of industrialization and modernization, especially the policies and orientations regarding economic development in the Mekong Delta in the context of increasingly unpredictable climate change. The solutions proposed in this article will contribute to turning the region's difficulties and challenges into opportunities for the sustainable development of the Mekong Delta in the coming time.
Revised: 21/6/2022	
Published: 21/6/2022	
KEYWORDS	
Economic development	
Environmental protection	
Industrialization	
Modernization	
Mekong Delta	

PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đào Thị Bích Hồng

Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 09/5/2022	Môi trường là vấn đề toàn cầu. Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu vừa là một nội dung cơ bản trong phát triển bền vững của Việt Nam. Mục đích của bài viết nhằm làm rõ sự lãnh đạo của Đảng trong việc bảo vệ tài nguyên, môi trường, đặc biệt đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, từ đó đề xuất một số giải pháp cho việc bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu của Đồng bằng sông Cửu Long. Bài viết sử dụng phương pháp lịch sử trong khai thác tư liệu, ngoài ra còn sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp. Kết quả nghiên cứu đã làm rõ thêm quá trình Đảng từng bước có những chỉ đạo ngày càng phù hợp hơn về sự gắn kết phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên môi trường trong suốt quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là những chủ trương, định hướng của Đảng trong phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng khó lường. Những giải pháp được đề xuất trong bài viết góp phần chuyển những khó khăn, thách thức thành cơ hội cho sự phát triển bền vững của Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới.
Ngày hoàn thiện: 21/6/2022	
Ngày đăng: 21/6/2022	
TỪ KHÓA	
Phát triển kinh tế	
Bảo vệ môi trường	
Công nghiệp hóa	
Hiện đại hóa	
Đồng bằng sông Cửu Long	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5961>

Email: daobichhong@hcmut.edu.vn

1. Giới thiệu

Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản cho phát triển bền vững của đất nước. Trong suốt quá trình lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, cùng với những chủ trương thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vấn đề bảo vệ môi trường luôn được Đảng quan tâm, thể hiện qua nhiều văn kiện Đại hội Đảng, các chỉ thị, kết luận, nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Đồng bằng sông Cửu Long đã có những bước tăng trưởng khá, chất lượng tăng trưởng được nâng lên; khẳng định vị trí trung tâm trong sản xuất, xuất khẩu lúa, gạo, trái cây hàng đầu cả nước. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của vùng đang phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp với mô hình kinh tế truyền thống, chủ yếu tăng trưởng theo chiều rộng, ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái khá nghiêm trọng.

Nghiên cứu về môi trường, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế bền vững có nhiều công trình nghiên cứu, mỗi công trình nghiên cứu với góc độ khác nhau đã làm rõ hơn về thực trạng môi trường Việt Nam nói chung, vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và những giải pháp góp phần gắn kết phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên môi trường. Cụ thể như, đã có nghiên cứu làm rõ về thực trạng biến đổi khí hậu và đề xuất giải pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu phải đặt trong mối quan hệ toàn cầu và coi ứng phó với biến đổi khí hậu không chỉ là thách thức mà còn là cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững [1]. Bên cạnh đó, có các nghiên cứu khác tập trung làm rõ về khái niệm nền kinh tế tuần hoàn, tính bền vững trong phát triển kinh tế, hòa nhập xã hội, khả năng chống chịu với môi trường và việc triển khai thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm hướng tới phát triển Việt Nam bền vững [2], [3]; Trong nghiên cứu [4]-[6], các tác giả đã khẳng định sự cần thiết trong việc đề xuất và thực hiện hiệu quả những tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an ninh môi trường tại các làng nghề, đặt biệt cần phải thể chế hóa những chủ trương của Đảng về bảo vệ môi trường với những cơ sở pháp lý cụ thể.

Đồng bằng sông Cửu Long thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đang phải đối mặt với nhiều rủi ro từ suy thoái tài nguyên – môi trường và tác động của biến đổi khí hậu do đây là vùng đất rất mẫn cảm với sự thay đổi tự nhiên. Tài nguyên và môi trường vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước những thách thức nghiêm trọng... Nhận thức được thực trạng và dự báo tình hình, đề xuất những giải pháp góp phần giảm thiểu những thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra tại Đồng bằng sông Cửu Long, giúp vùng phát triển theo hướng bền vững [7], [8]. Thực hiện tốt bảo vệ môi trường hướng nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững, một trong những giải pháp quan trọng, giữ vai trò quyết định là phải nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò của người đứng đầu các cấp, kiên quyết khắc phục khuynh hướng chỉ ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế mà xem nhẹ yêu cầu bảo vệ môi trường... [9].

Mỗi công trình với những cách tiếp cận khác nhau góp phần làm rõ thực trạng bảo vệ môi trường của Việt Nam hiện nay nói chung và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Tuy nhiên, chưa có bài viết nào trình bày một cách đầy đủ về quá trình Đảng từng bước lãnh đạo phát triển kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường, nhất là đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, việc làm rõ quá trình Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường; quá trình Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức triển khai thực hiện chủ trương của Đảng trong phát triển kinh tế vùng; đề xuất một số giải pháp thực hiện hiệu quả hơn việc phát triển kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long là cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp lịch sử là chính, ngoài ra còn sử dụng phương pháp khác như phân tích, so sánh, tổng hợp... để khái quát những chủ trương của Đảng, của vùng Đồng bằng sông Cửu Long về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường; xuất phát từ thực tiễn phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đề xuất một số giải pháp góp phần cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng phát triển hiệu quả, bền vững.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường - chủ trương lớn của Đảng trong suốt quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, cùng với sự phát triển nhanh về kinh tế, môi trường đang ngày càng bị phá hủy nghiêm trọng. Khi con người vì lợi nhuận, khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, phát triển các ngành sản xuất bằng mọi giá, bất chấp sự nguy hại, đang từng ngày, từng giờ phá hủy môi trường đất, nước và không khí. Sự tác động vô trách nhiệm của con người vào môi trường thiên nhiên không chỉ phá hoại rừng, làm ô nhiễm nguồn nước, đất đai và không khí, mà còn là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trái đất nóng lên, nước biển dâng, thiên tai, dịch bệnh bùng phát và diễn biến ngày càng khốc liệt. Những vấn đề về môi trường đang trở thành nguy cơ về an ninh phi truyền thống, đe dọa sự tồn vong của loài người. Ở Việt Nam, những nguy cơ về môi trường đang hiện hữu, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của người dân ở nhiều địa phương. Thực tế này đòi hỏi cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế phải luôn đặt ra nhiệm vụ bảo vệ môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững.

Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) xác định phát triển các ngành kinh tế và bảo vệ môi trường: Nông - lâm - ngư nghiệp phát triển theo hướng kinh tế hàng hoá, gắn với công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, phát huy lợi thế sinh thái, bảo vệ môi trường và tài nguyên; Phát triển và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, giải quyết về căn bản vấn đề tưới tiêu nước cho những vùng trọng điểm lương thực và cây công nghiệp tập trung; Tận dụng phân hữu cơ, tăng mức đáp ứng nhu cầu phân hoá học, tích cực phòng trừ sâu bệnh; Áp dụng rộng rãi công nghệ và các biện pháp sinh học trong các khâu chính của quá trình sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hạn chế ô nhiễm môi trường và thoái hoá đất; Nhà nước quy định cụ thể quyền sở hữu, quyền và trách nhiệm sử dụng tài nguyên để chấm dứt tình trạng tài nguyên vô chủ; Ban hành Luật bảo vệ thiên nhiên; Giáo dục và tuyên truyền sâu rộng việc bảo vệ tài nguyên và môi trường ngay từ lứa tuổi trẻ em; Xây dựng tổ chức bảo vệ tài nguyên và môi trường từ Trung ương đến địa phương, kết hợp với phong trào quần chúng trong lĩnh vực này; Sớm tham gia và phối hợp hoạt động với các tổ chức quốc tế và khu vực trong việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và cảnh quan.

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, xác định rõ: "Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân..." [10, tr. 246].

Ngày 25/06/1998, Bộ Chính trị ban hành *Chỉ thị số 36/1998/CT-TW* về "Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước." Đây là lần đầu tiên Đảng ban hành chỉ thị về bảo vệ môi trường. Chỉ thị nhấn mạnh: 1- Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; 2- Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; 3- Coi phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm là nguyên tắc chủ đạo kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; và 4- Kết hợp phát huy nội lực với tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững [11].

Sau 6 năm thực hiện Chỉ thị 36-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII), mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường đã được hạn chế. Tuy nhiên, môi trường ở Việt Nam vẫn bị xuống cấp nhanh, có lúc đã đến mức báo động. Trước thực trạng trên, Đảng ban hành Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ chính trị (khóa IX) về *Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước*. Nghị quyết 41-NQ/TW đã nêu 5 quan điểm: 1- Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khoẻ và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta; 2- Bảo vệ môi trường vừa là mục

tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững; 3- Bảo vệ môi trường là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người, là biểu hiện của nếp sống văn hoá, đạo đức, là tiêu chí quan trọng của xã hội văn minh và là sự nối tiếp truyền thống yêu thiên nhiên, sống hài hoà với tự nhiên của cha ông ta; 4- Bảo vệ môi trường phải theo phương châm lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường là chính kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; kết hợp giữa sự đầu tư của Nhà nước với đẩy mạnh huy động nguồn lực trong xã hội và mở rộng hợp tác quốc tế; kết hợp giữa công nghệ hiện đại với các phương pháp truyền thống; và 5- Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ vừa phức tạp, vừa cấp bách, có tính đa ngành và liên vùng rất cao, vì vậy cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân [12].

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, để thực hiện thành công mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011)* đã đề ra những giải pháp và định hướng lớn về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó chỉ rõ: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường”; “Khoa học công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế”; “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát và ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch... Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia” [13, tr. 72, 78].

Quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21, ngoài vấn đề về môi trường, Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề khó khăn của biến đổi khí hậu và quản lý, khai thác tài nguyên thiên nhiên. Nhận diện ba vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đều có sự gắn bó hữu cơ và tác động qua lại lẫn nhau, ngày 03/06/2013, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành *Nghị quyết số 24-NQ/TW Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*.“ Nghị quyết khẳng định, bảo vệ môi trường là vấn đề mang tính toàn cầu, vừa là mục tiêu, vừa là nội dung cơ bản của sự phát triển bền vững, đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững. Nghị quyết nhấn mạnh giải pháp: “Tăng cường bảo vệ môi trường phải theo phương châm ứng xử hài hoà với thiên nhiên, theo quy luật tự nhiên, phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; lấy bảo vệ sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững” [14].

Để khắc phục tình trạng phát triển thiếu bền vững, Đại hội lần thứ XII (1/2016) đặc biệt nhấn mạnh việc cần thiết thực hiện trong quá trình công nghiệp hóa đất nước là phải: 1- Gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh; 2- Tập trung làm tốt công tác nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh, trật tự và bảo vệ môi trường; 3- Phát triển công nghiệp năng lượng, luyện kim, hóa dầu, hóa chất với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh; 4- Khai thác hiệu quả, bền vững các di sản văn hóa, thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và giữ gìn vệ sinh môi trường; 5- Đẩy nhanh điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển, đảo; 6- Rà soát, sửa đổi pháp luật, chính sách để thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, nhất là các dự án có công nghệ cao,

thân thiện môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng và tỉ lệ nội địa hóa cao, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ cao, thân thiện môi trường; 7- Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường, nhất là các đô thị lớn; 8- Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; 9- Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ và xử lý môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Khắc phục có hiệu quả ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại. Quy hoạch và xây dựng các công trình xử lý rác thải tập trung theo vùng, cụm xã. Hạn chế, tiến tới ngăn chặn căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề...

Đánh giá 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Đại hội lần thứ XIII (3/2021) khẳng định việc quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được coi trọng, bước đầu đạt kết quả tích cực. Hệ thống chính sách, pháp luật về những vấn đề này đã tiếp tục được hoàn thiện và tập trung triển khai thực hiện hiệu quả. Tuy vậy, ý thức, nhận thức về vai trò, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành, cộng đồng và doanh nghiệp, người dân chưa được phát huy đầy đủ; vẫn đề xảy ra một số sự cố môi trường gây hậu quả nghiêm trọng. Quản lý nhà nước trên một số mặt còn lỏng lẻo. Chất lượng môi trường một số nơi tiếp tục xuống cấp, thích ứng với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng...

Đề hướng đến sự phát triển bền vững trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đại hội lần thứ XIII xác định mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đều được thể hiện trong những mục riêng với nhiều nội dung mới; đặc biệt nhấn mạnh việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ bền vững môi trường, chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường...

Theo sự chỉ đạo của Đảng, nhiệm vụ trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường trong những năm 2021-2030 là: “Phải chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường” [15, tr. 330-331].

Những chủ trương của Đảng, Nhà nước trong quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong cả nước suốt nhiều năm qua, đặc biệt đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long là cơ sở rất quan trọng góp phần cho phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng hiệu quả, bền vững.

3.2. Thực hiện chủ trương của Đảng trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, bao gồm 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với tổng diện tích khoảng 40,6 nghìn km²; dân số vùng khoảng 17,5 triệu người, chiếm gần 18% dân số cả nước; là vùng có địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước. Trong suốt quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, triển khai nhiều giải pháp để phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội của Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là trong bối cảnh khu vực này đang và dự báo tiếp tục chịu tác động nặng nề nhất của suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu.

Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20/1/2003 của Bộ Chính trị khóa IX về *phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế – xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010*; Kết luận số 28-KL/TW, ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về *phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011-2020* là một trong những chủ trương lớn định hình chiến lược phát triển Đồng bằng sông Cửu Long của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện chủ trương của Đảng, trong những năm 2003-2012, Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW và chính sách, cơ chế đặc thù cho phát triển của vùng. Cụ thể như: Quyết định số 26/2008/QĐ-TTg ngày 05/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010; Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 14/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thành lập vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long; Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 19/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020...

Trong những năm 2013-2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2270/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 về việc giao nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương trong vùng, với những nội dung quan trọng sau: (1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, thể chế về chính sách theo hướng đặc thù với một số ngành, lĩnh vực cụ thể; (2) chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị các sản phẩm chủ lực, sản phẩm mũi nhọn có tính cạnh tranh trên các lĩnh vực; (3) Phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đảm bảo phát triển bền vững...

Thực hiện chủ trương của Đảng, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã có sự phát triển rõ rệt, đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt là nông nghiệp và nông thôn. Kinh tế tăng trưởng khá với chất lượng được nâng lên; cơ sở vật chất được tăng cường; diện mạo đô thị và nông thôn có nhiều đổi mới; văn hóa – xã hội có nhiều tiến bộ; mức sống của người dân được nâng lên; quốc phòng – an ninh được bảo đảm. Tài nguyên thiên nhiên được khai thác có hiệu quả hơn, từng bước phát triển “năng lượng sạch”, “sản xuất sạch”, “tiêu dùng sạch”. Hầu hết các địa phương trong vùng đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tài nguyên, khoáng sản. Công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường được thực hiện chặt chẽ, bước đầu hạn chế việc gia tăng ô nhiễm. Một số chỉ tiêu về môi trường đạt mức cao: Tỷ lệ sử dụng nước sạch nông thôn đạt 67,3% (cao gấp 4 lần so với năm 2004); sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90,3% (tăng gần gấp đôi so năm 2004 (48%)); tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt khoảng 86%; tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý chất thải tập trung là 91% (năm 2020)...

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của vùng chậm hơn so với cả nước (năm 2016-2020, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của vùng là 5,8%, cả nước là 6,2%), phụ thuộc lớn vào sản xuất nông nghiệp với mô hình kinh tế truyền thống; công nghiệp chủ yếu là công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ thủ công mỹ nghệ; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh; ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái khá nghiêm trọng; tình trạng sụt lún đất, giảm mực nước ngầm, xâm thực bờ biển, suy thoái đất ngày càng nghiêm trọng. Mặt khác, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang đối mặt với tác động của biến đổi khí hậu do đây là vùng đất rất mẫn cảm với sự thay đổi tự nhiên. Hoạt động tăng cường khai thác tài nguyên đất và nước tại các quốc gia thượng nguồn sông Mê Kông cũng làm biến đổi sâu sắc chế độ dòng chảy và phù sa của vùng...

Ngày 2/4/2022, Bộ chính trị ra Nghị quyết số 13-NQ/TW về *phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Quan điểm chỉ đạo của Đảng trong phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long tập trung vào những nội dung cụ thể như: 1-Phát triển nhanh và bền vững vùng phù hợp với vai trò, vị trí chiến lược của vùng; trở thành vùng phát triển hiện đại, sinh thái, văn minh và bền vững là

nhiệm vụ xuyên suốt, trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của địa phương trong vùng và cả nước; 2- Phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long phải phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, thích ứng với biến đổi khí hậu; lấy con người làm trung tâm, tài nguyên là yếu tố cốt lõi; tôn trọng quy luật tự nhiên; phù hợp với điều kiện thực tế của vùng...; 3- Từng bước đổi mới tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái là trọng tâm, công nghiệp năng lượng là đột phá, dịch vụ là bệ đỡ... Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng giá, năng lượng mặt trời gắn với kinh tế biển, kiểm soát tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái...; 4- Phát triển nhanh và bền vững vùng trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất, nước; chủ động thích ứng với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn, bảo đảm an ninh nguồn nước; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...; và 5- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị...; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc trong vùng; khơi dậy khát vọng phát triển, ý thức tự lực, tự cường của Nhân dân các địa phương trong vùng [16, tr. 63-64].

Nghị quyết 13-NQ/TW của Bộ Chính trị đã có bước đột phá mới trong việc phát huy vai trò, vị trí quan trọng, đặc biệt là khai thác có hiệu quả hơn tiềm năng lợi thế phát triển to lớn của Đồng bằng sông Cửu Long. Với những định hướng cụ thể trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, các địa phương trong vùng đặc biệt quyết tâm chuyển vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ “*sống chung với lũ*” sang “*chủ động sống chung với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn*”, góp phần quan trọng để Đồng bằng sông Cửu Long đứng dậy làm chủ và vươn lên mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

3.3. Một số giải pháp gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững của Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới

Phát triển bền vững, tăng trưởng xanh trở thành xu thế bao trùm thế giới. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, sâu rộng, tạo ra các cơ hội mới và thách thức mới với các nước trên thế giới. Biến đổi khí hậu gia tăng, sự nóng lên toàn cầu, nước biển dâng đặt ra nhiều thách thức mới cho phát triển bền vững.

Với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ làm thay đổi sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học. Môi trường nghiên cứu hiện nay cũng bắt đầu thay đổi. Trọng tâm là sự dịch chuyển nghiên cứu từ các trường đại học sang các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn, vì quỹ cho nghiên cứu của các đơn vị này tăng theo cấp số nhân trong khi đó đầu tư chính phủ cho nghiên cứu ngày càng thu hẹp.

Để đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào thực tiễn, cụ thể hóa những chủ trương của Đảng trong Nghị quyết số 13-NQ/TW, thực hiện hiệu quả việc quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long phải hình thành các dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ lớn mang tính liên ngành, liên vùng để nghiên cứu, giải quyết những vấn đề trọng tâm, bức thiết, có tính hệ thống của khu vực.

Hai là, lắp đặt hệ thống đo đạc, giám sát tự động các thông số về môi trường, thổ nhưỡng, khí hậu, thủy văn,... để kịp thời thông tin, chủ động phục vụ công tác dự báo và triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp với từng giai đoạn, nhất là ứng phó với tác động của thời tiết cực đoan; đẩy mạnh đầu tư ứng dụng và nhân rộng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và bị xâm nhập mặn.

Ba là, tập trung nghiên cứu đề xuất giải pháp khoa học và công nghệ bảo đảm nguồn nước lâu dài, cấp nước ngọt chủ động và hợp cho các vùng khan hiếm nước ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long (như xây dựng các hồ trữ nước ngọt từ hệ thống sông, kênh và khai thác nước

ngầm tại các khu vực nguồn nước ngầm bảo đảm về chất lượng, trữ lượng với quy mô khác nhau; hệ thống khử nước mặn sử dụng năng lượng tái tạo,...).

Bốn là, sớm đưa vào thực tiễn ứng dụng các kết quả của những công trình nghiên cứu về chống sạt lở bờ biển, bờ sông thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ. Chương trình cần tiếp tục nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ có tính tổng thể (trong đó chú trọng bảo đảm an toàn hạ tầng thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện hạn mặn kéo dài).

Năm là, các trường đại học trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long cần chú trọng đầu tư cho các trường đại học, viện nghiên cứu để phát huy hiệu quả thế mạnh nghiên cứu, cùng đồng hành với các doanh nghiệp, tạo ra năng lượng cộng hưởng lớn, tác động tích cực đến sự phát triển của vùng.

Sáu là, các trường đại học đào tạo về lĩnh vực khoa học kỹ thuật cần có giải pháp đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, phát triển các nghiên cứu khoa học - công nghệ liên ngành, ưu tiên một số lĩnh vực khoa học và công nghệ có vai trò then chốt đối với nền kinh tế tri thức và cách mạng công nghiệp 4.0, góp phần giải quyết các vấn đề của công nghiệp, phục vụ phát triển bền vững đất nước, cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Bảy là, trường đại học cần chú trọng nâng số công trình nghiên cứu hợp tác với địa phương và doanh nghiệp rộng khắp các ngành, không chỉ khắc phục tình trạng thiếu kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, mà còn góp phần đưa kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn. Khuyến khích, hướng những công trình nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ vào giải quyết nhu cầu cấp thiết của địa phương, trong đó cần tập trung có những giải pháp về công nghệ cho sự phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

4. Kết luận

Đồng bằng sông Cửu Long là nơi chịu nhiều ảnh hưởng bởi tác động của biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng gay gắt, phức tạp. Với những chủ trương chỉ đạo ngày càng cụ thể hơn của Đảng, những quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, biến khó khăn, thách thức trở thành cơ hội cho sự phát triển của tất cả các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; huy động sức mạnh của toàn dân tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ là cơ sở quan trọng quyết định đến mục tiêu phát triển bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] M. Q. Nguyen, "Actively responding to climate change, promoting the protection of environmental resources," *Communist Review*, 2021. [Online]. Available: <https://www.tapchicongsan.org.vn/nghien-cu/-/2018/22511/chu-dong-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau%2C-day-manh-cong-tac-bao-ve-tai-nguyen%2C-moi-truong.aspx>. [Accessed Mar. 12, 2022].
- [2] M. Geissdoerfer, P. Savaget, N. M. P. Bocken, and E. J. Hultink, "The Circular Economy - A new sustainability paradigm?," *Journal of Cleaner Production*, vol. 143, pp. 757-768, 2017, doi: 10.1016/j.jclepro.2016.12.048
- [3] T. P. L. Nguyen, "Circular economy towards for the sustainable development in Vietnam," *Communist Review*, 2022. [Online]. Available: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/825071/kinh-te-tuan-hoan-huong-toi-phat-trien-ben-vung-o-viet-nam.aspx>. [Accessed Mar. 12, 2022].
- [4] N. Khanh, "Environmental protection: Important criteria in new rural construction," *Communist Review*, 2021. [Online]. Available: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/824343/bao-ve-moi-truong--tieu-chi-quan-trong-xay-dung-nong-thon-moi.aspx>. [Accessed Mar. 12, 2022].
- [5] D. H. Bui, "Environmental protection and legal issues raised in the spirit of the 13th Party Congress," *Communist Review*, 2022. [Online]. Available: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/825044/bao-ve-moi-truong-va-nhung-van-de-phap-ly-dat-ra-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx#:~:text=V%C4%83n%20ki%E1%BB%87n%20%C4%90%E1%BA%A1i%20h%E1%BB%99i%20XIII%20c%E1%BB%A7a%20%C4%90%E1%BA%A3n%20th%E1%BB%83%20hi%E1%B%87n%20quan,th%E1%BA%A3i%20kh%C3%AD%20nh%C3%A0%20k%C3%ADnh%3B%204%2D>. [Accessed Mar. 12, 2022].

-
- [6] K. H. Tran, "Ensuring environmental security in craft villages in our country today," *Communist Review*, 2021. [Online]. Available: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/824435/bao-dam-an-ninh-moi-truong-lang-nghe-o-nuoc-ta-hien-nay.aspx. [Accessed Mar. 12, 2022].
- [7] H. H. Tran, "Environmental protection of the Mekong Delta," *Communist Review*, 2008. [Online]. Available: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/3057/bao-ve-moi-truong-o-dong-bang-song-cuu-long-trong-qua-trinh-cong-nghiep-hoa%2C-hien-dai-hoa.aspx>. [Accessed Mar. 12, 2022].
- [8] T. H. Nguyen, "Solutions for the development of the Mekong Delta in the context of climate change," *Viet Nam Trade and Industry Review*, 2021. [Online]. Available: <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mot-so-giai-phap-nham-phat-trien-dong-bang-song-cuu-long-truoc-tinh-trang-bien-doi-khi-hau-nhu-hien-nay-76824.htm>. [Accessed Mar. 12, 2022].
- [9] X. Phong, "Promoting the role of Party organizations in environmental protection," *Journal of Party Building*, 2018. [Online]. Available: <http://www.xaydungdang.org.vn/home/nghe-quyet/2018/12327/phan-huy-vai-tro-cua-to-chuc-dang-trong-bao-ve-moi.aspx>. [Accessed Mar. 12, 2022].
- [10] Communist Party of Vietnam, *Documents of the Party Congress in the period of renovation and integration (Congress VI, VII, VIII, IX, X)*, National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [11] Communist Party of Vietnam, *Directive 36/1998/CT-TW of the Politburo on strengthening environmental protection in the period of industrialization and modernization of the country*, Hanoi, June 25, 1998.
- [12] Communist Party of Vietnam, *Resolution No. 41-NQ/TW of the Politburo on environmental protection in the period of accelerating industrialization and modernization of the country*, Hanoi, November 15, 2004.
- [13] Communist Party of Vietnam, *Document of the 11th National Congress of Deputies*, National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [14] Communist Party of Vietnam, *Resolution of the Seventh Conference of the XI Central Committee on proactively responding to climate change, strengthening natural resource management, and protecting the environment*, Hanoi, June 3, 2013.
- [15] Communist Party of Vietnam, *Document of the 13th National Congress of Deputies*, vol. 2, National Political Publishing House, Hanoi, 2021.
- [16] The Central Committee, "Program to organize the Conference to thoroughly grasp and implement Resolution No. 13-NQ/TW, dated April 2, 2022, of the Politburo on the direction of socio-economic development, ensuring national defense and security in the Mekong Delta until 2030, with a vision to 2045," *Conference document*, Hanoi, April 22, 2022, pp. 63-64.